

**BẢN SAO**

**CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VẠN TƯỜNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31/12/2016**

4 SD.K.K.Q. 040-

NIÊN DẮN P

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 – 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 – 29

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Vạn Tường đề trình báo cáo này cùng Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016.

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng thành viên**

Ông Dương Ngọc Tú	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14/11/2016
Ông Trịnh Minh Phiến	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 08/08/2016
Ông Lê Đình Phúc	Thành viên	
Ông Ngô Văn Sửu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31/08/2016
Ông Lý Đắc Thăng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/09/2016
Ông Lê Hồng Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Diệp	Thành viên	

**Ban Tổng Giám đốc:**

Ông Trịnh Minh Phiến	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08/08/2016
Ông Dương Ngọc Tú	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/08/2016, miễn nhiệm 31/12/2016
Ông Nguyễn Văn Diệp	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2017
Ông Lê Đình Phúc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Diệp	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31/12/2016

Ngoại lương và các khoản phụ cấp theo lương, không một thành viên nào trong Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc có bất kỳ một khoản thu nhập nào khác từ một hợp đồng ký với Công ty hay một bên liên quan.


**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp Công ty sẽ không thể tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các quy định pháp luật trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đối với tính đúng đắn, chính xác và đầy đủ của các số liệu và nội dung của Báo cáo tài chính phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào. Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với tính đúng đắn và đầy đủ của các số liệu và nội dung của Báo cáo tài chính và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,  
  
Dương Ngọc Tú

Chủ tịch Hội đồng thành viên  
Đà Nẵng, ngày 28 tháng 3 năm 2017



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH  
Nguyễn Khoa Diệu Thanh**

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Vạn Tường**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Vạn Tường (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10/03/2017, từ trang 4 đến trang 30 kèm theo, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như việc đánh giá tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

1. Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty đã được chúng tôi kiểm toán. Do hạn chế phạm vi kiểm toán và khác biệt quan điểm trong xử lý kế toán, chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận từng phần.
2. Tại ngày 31/12/2016, nhiều khoản nợ phải thu và nợ phải trả chưa được đối chiếu xác nhận lần lượt là 7.576.255.559 VND và 11.325.525.264 VND. Chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế để đảm bảo tính đúng đắn của các khoản mục nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trong Báo cáo tài chính.
3. Công ty chưa xây dựng phương pháp ghi nhận doanh thu và giá vốn hợp đồng xây dựng theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng. Giá vốn của một số hợp đồng xây dựng còn dở dang đến 31/12/2016 chỉ là số ước tính. Ngoài ra, đối với các hợp đồng xây dựng kéo dài nhiều năm, việc ghi nhận doanh thu và giá vốn hợp đồng xây dựng đã không thực hiện nhất quán qua các năm.

Công ty đã ghi nhận vào giá vốn hợp đồng xây dựng trong kỳ số tiền 11.546.822.813 VND mà không có doanh thu tương ứng, do doanh thu các hợp đồng này đã được ghi nhận hết trong các năm trước. Nếu tuân thủ Chuẩn mực kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng, và Chuẩn mực kế toán số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót, thì khoản giá vốn các công trình này phải được điều chỉnh hồi tố vào các năm trước.

Công ty cũng chưa xây dựng phương pháp ước tính giá trị sản xuất dở dang của hoạt động khai thác đá.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

4. Theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Công ty sẽ thực hiện cổ phần hóa để chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/01/2017. Thời điểm ngày 31/12/2016 được sử dụng làm thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Theo quy định tại Điều 9, Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 5/9/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp, thì Công ty không phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng bảo hành công trình. Chúng tôi không được cung cấp đủ bằng chứng cần thiết để xác định số dư nợ phải thu khó đòi cần lập dự phòng cũng như số dự phòng bảo hành công trình cần trích lập cho năm tài chính 2016.
5. Một số hợp đồng xây dựng đã hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán nên Công ty chưa ghi nhận doanh thu và giá vốn ước tính tương ứng với số tiền lần lượt là 68.553.550.033 VND và 59.497.054.275 VND.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Vạn Tường tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Bích Lý  
Giấy CN đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 3236-2015-105-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ ATAX



Phó Tổng Giám đốc  
Trần Thị Thanh Tiếng  
Giấy CN đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0819-2013-105-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**MÀU B01-DN/HN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>550.644.622.052</b>	<b>764.780.193.001</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>37.087.248.133</b>	<b>108.490.040.334</b>
1. Tiền	111	V.1a	37.087.248.133	105.490.040.334
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.1b	-	3.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>275.175.312.820</b>	<b>276.851.635.875</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	226.243.355.378	217.700.946.754
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		16.915.353.408	22.475.987.116
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	32.016.604.034	53.518.567.697
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(16.843.865.692)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.5	<b>219.418.641.414</b>	<b>365.726.705.961</b>
1. Hàng tồn kho	141		219.418.641.414	365.726.705.961
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>18.963.419.685</b>	<b>13.711.810.831</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1.047.797.332	786.768.094
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.613.339.525	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	16.302.282.828	12.925.042.737
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>124.793.212.947</b>	<b>198.605.069.335</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>4.500.000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	-	4.500.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>108.591.798.092</b>	<b>163.030.440.860</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	108.435.414.092	60.063.368.860
- Nguyên giá	222		173.517.249.869	153.181.220.467
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(65.081.835.777)	(93.117.851.607)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	156.384.000	102.967.072.000
- Nguyên giá	228		410.823.900	103.609.743.130
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(254.439.900)	(642.671.130)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.6	<b>386.151.527</b>	<b>21.371.909.380</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6b	386.151.527	21.371.909.380
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>12.229.000.000</b>	<b>8.521.299.888</b>
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	12.229.000.000	9.678.868.530
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	-	(1.157.568.642)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.586.263.328</b>	<b>5.676.919.207</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	3.586.263.328	5.676.919.207
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>675.437.834.999</b>	<b>963.385.262.336</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MAU B01-DN/IIN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>533.225.997.046</b>	<b>718.758.603.525</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>516.188.761.046</b>	<b>699.802.820.934</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	131.121.701.633	128.663.201.866
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	138.080.238.951	260.439.220.758
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	18.606.477.429	19.479.986.600
4. Phải trả người lao động	314		8.094.025.701	23.561.689.277
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	11.894.753.639	1.394.749.352
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	91.225.676.965	153.208.040.384
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	111.028.776.465	93.611.060.911
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	8.311.291.490
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.137.110.263	11.133.580.296
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>17.037.236.000</b>	<b>18.955.782.591</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.10	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	336.336.000	1.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	16.700.900.000	17.955.782.591
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>142.211.837.953</b>	<b>244.626.658.811</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.16	<b>142.211.837.953</b>	<b>244.626.658.811</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		126.376.760.097	229.052.184.907
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.454.519.584	13.897.897.313
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.893.580	269.269.091
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.369.664.692	1.407.307.500
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>675.437.834.999</b>	<b>963.385.262.336</b>




**Phạm Thị Thanh Thủy**  
Người lập biên



**Lý Dắc Thắng**  
Kế toán trưởng

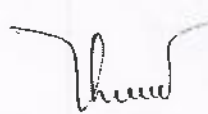



  
**Dương Ngọc Tú**  
Chủ tịch Hội đồng thành viên  
Đà Nẵng, ngày 10/03/2017


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2016

MÀU B02-DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	798.221.119.971	835.698.076.700
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		798.221.119.971	835.698.076.700
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	742.361.330.025	759.593.113.189
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		55.859.789.946	76.104.963.511
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.839.087.877	2.338.105.592
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	11.762.283.347	11.557.618.404
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.762.283.347	11.557.618.404
8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		1.321.093.971	1.249.986.313
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		46.649.556.883	53.424.664.069
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - (24+25)}	30		(2.034.056.378)	12.210.800.317
12. Thu nhập khác	31	VI.5	22.287.568.234	11.954.230.823
13. Chi phí khác	32	VI.6	10.258.700.116	4.814.082.811
14. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		12.028.868.118	7.140.148.012
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		9.994.811.740	19.350.948.329
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	2.684.023.945	4.503.453.277
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		7.310.787.795	14.847.495.052
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		7.308.723.940	14.847.495.052
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.063.855	-

  
Phạm Thị Thanh Thủy  
Người lập biên

  
Lý Đức Thắng  
Kế toán trưởng

  
Dương Ngọc Tú  
Chủ tịch Hội đồng thành viên  
Đà Nẵng, ngày 10/03/2017



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2016

Mẫu B03-DN/HN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		<b>9.994.811.740</b>	<b>19.350.948.329</b>
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		12.992.486.941	12.111.588.305
- Các khoản dự phòng	03		(1.340.793.339)	3.703.822.994
- (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05		1.700.334.488	(1.624.459.805)
- Chi phí lãi vay	06		11.762.283.347	11.557.618.404
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		<b>35.109.123.177</b>	<b>45.099.518.227</b>
- (Tăng)/ giảm các khoản phải thu	9		(38.464.423.945)	(6.365.910.444)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		137.343.119.838	5.317.513.694
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(178.641.521.492)	23.158.357.517
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		1.869.027.583	1.325.449.115
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền đã trả lãi vay	14		(14.152.930.932)	(10.439.369.360)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.164.888.025)	(3.124.915.910)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		3.063.645.579	811.084.313
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.364.245.338)	(5.179.836.170)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(63.403.093.555)</b>	<b>50.599.890.982</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	21		(8.997.572.835)	(9.210.908.570)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác	22		2.587.690.909	1.081.818.183
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.769.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(9.178.881.926)</b>	<b>(8.129.090.387)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	8.771.000.000
3. Tiền thu đi vay	33		356.045.905.101	264.133.180.760
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(354.840.484.438)	(290.786.020.684)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.237.383)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>1.179.183.280</b>	<b>(17.881.839.924)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(71.402.792.201)</b>	<b>24.588.960.671</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>108.490.040.334</b>	<b>83.901.079.663</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>37.087.248.133</b>	<b>108.490.040.334</b>

Phạm Thị Thanh Thủy  
Người lập biểu

Lý Đức Thắng  
Kế toán trưởng



Dương Ngọc Tú  
Chủ tịch Hội đồng thành viên  
Đà Nẵng, ngày 10/03/2017

**TIUUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MÀU B 09 – DN/HN**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Vạn Tường (gọi tắt là "Công ty") được thành lập từ việc chuyển đổi Công ty Vạn Tường thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động dưới hình thức Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 2357/QĐ-BQP ngày 21/07/2009 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty được phép hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400100513 cấp lần đầu ngày 07 tháng 12 năm 2009, thay đổi lần thứ 5 (lần thay đổi gần nhất) ngày 31 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

Tổng vốn điều lệ của Công ty là: 105.000.000.000 VND.

Trụ sở giao dịch của Công ty đóng tại số 174 Lê Đình Lý, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc là Chi nhánh, Xí nghiệp như sau:

- Xí nghiệp 103;
- Xí nghiệp 203;
- Xí nghiệp 109;
- Xí nghiệp 209;
- Xí nghiệp 309;
- Xí nghiệp Khảo sát thiết kế;
- Chi nhánh Hà Nội;
- Chi nhánh TP Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Công ty còn có các Đội thi công hoạt động xây lắp.

Các công ty con được hợp nhất:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết
Công ty CP Vatuco 309	174 Lê Đình Lý, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Bất động sản	81,07%
Công ty TNHH MTV Vatuco 378	77 Duy Tân, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Xây dựng	100%

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- San lấp mặt bằng; Khảo sát thiết kế và tư vấn xây dựng; Trang trí nội ngoại thất;
- Khảo sát, dò tìm, xử lý bom mìn, vật nổ; Khai thác đá, sản xuất xi măng và các loại vật liệu xây dựng;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÀU B 09 – DN/HN**

- Chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (gỗ có nguồn gốc hợp pháp);
- Duy tu, tôn tạo, sửa chữa, nâng cấp các công trình bảo tồn, bảo tàng và di tích lịch sử văn hóa;
- Dịch vụ nhà khách, kinh doanh nhà;
- Đào tạo nghề.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm, Công ty đã giải thể Đội xây lắp số 1, Báo cáo tài chính của Đội 1 đã được cộng vào Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty.

**6. Cấu trúc doanh nghiệp**

- Danh sách các công ty con:

- Công ty Cổ phần Vatuco 309, có trụ sở tại 174 Lê Đình Lý, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh bất động sản và xây dựng. Tại ngày 31/12/2016, Công ty góp 5.806.095.963 VND, chiếm 84,07 % vốn điều lệ, đồng thời nắm giữ 84,07 % quyền biểu quyết.

- Công ty TNHH MTV Vatuco 378, có trụ sở tại 77 Duy Tân, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng. Hoạt động kinh doanh chính là xây dựng. Tại ngày 31/12/2016, Công ty góp 13.269.680.516 VND, chiếm 100 % vốn điều lệ, đồng thời nắm giữ 100 % quyền biểu quyết.

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán năm**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán tại Công ty là Đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã thực hiện công việc kế toán theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và luồng tiền của Công ty.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 – DN/HN

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết:

*Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để lập dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác;

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư đã mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Theo kế hoạch đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, Công ty sẽ thực hiện cổ phần hóa để chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/01/2017. Thời điểm ngày 31/12/2016 được sử dụng làm thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Theo quy định tại Điều 9, Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 5/9/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp, thì Công ty không phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ chi phí doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ngày ghi nhận ban đầu được tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các khoản chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản. Chi phí phát sinh khi ghi nhận chi phí ban đầu không thỏa mãn điều kiện này thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất trong kỳ.

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính cho nhóm tài sản cụ thể như sau:

Loại tài sản	Năm 2016
	(Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc, thiết bị	2 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	3 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6
Tài sản cố định khác	6

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định (tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng). Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ từ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Doanh nghiệp đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

**Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 -5 năm.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay được vốn hóa) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm:

- Giá trị công cụ dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng;

- Chi phí khác: Chi phí cho việc khai thác mỏ đá, Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 – DN/11N**

Các khoản chi phí này được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên, được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm (tùy thuộc vào tính chất, đặc điểm của từng loại chi phí).

**8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư thì lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Nhà thầu không vốn hóa lãi vay khi đi vay để phục vụ việc thi công xây dựng công trình, tài sản cho khách hàng, kể cả trường hợp khoản vay riêng.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.**

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán. Chi phí phải trả còn bao gồm các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước, như: chi phí ngừng sản xuất theo mùa vụ mà có thể xây dựng được kế hoạch ngừng sản xuất, chi phí lãi vay phải trả, chi phí trích trước để tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán.

Chi phí phải trả tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.**

Theo kế hoạch đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, Công ty sẽ thực hiện cổ phần hóa để chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/01/2017. Thời điểm ngày 31/12/2016 được sử dụng làm thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Theo quy định tại Điều 9, Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 5/9/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp, thì Công ty không phải trích lập dự phòng bảo hành công trình.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÀU B 09 – DN/HN

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

- **Vốn khác của chủ sở hữu:**

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

- **Phân phối lợi nhuận:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cần nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Hội đồng thành viên phê duyệt.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- **Doanh thu bán hàng** được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện: (1) Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua; (2) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa. (3) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, (4) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng, (5) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- **Doanh thu cung cấp dịch vụ** được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện, gồm: (1) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (2) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (3) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; (4) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- **Doanh thu hoạt động tài chính**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

- **Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tặng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÁU B 09 – DN/HN

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

- Doanh thu chuyển nhượng Bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng Bất động sản được ghi nhận khi Bất động sản đã được bán giao cho khách hàng và hoàn tất các thủ tục pháp lý về chuyển quyền sử dụng đất.

14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trong cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thì được điều chỉnh giảm doanh thu trong kỳ.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thì:

+ Nếu phát sinh trước thời điểm lập báo cáo tài chính thì phải điều chỉnh doanh thu của kỳ lập báo cáo tài chính đó.

+ Nếu phát sinh sau thời điểm lập báo cáo tài chính thì điều chỉnh doanh thu của kỳ phát sinh nghiệp vụ đó.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành áp dụng cho năm 2016 là 20% (Năm 2015 là 22%).

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	2.673.221.702	3.148.632.311
Tiền gửi ngân hàng	34.414.026.431	102.341.408.023
<b>Cộng</b>	<b>37.087.248.133</b>	<b>105.490.040.334</b>
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	-	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.000.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÀU B 09 – DN/HN

2. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm (VND)			Số đầu năm (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	GT hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	GT hợp lý
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.229.000.000	-	12.229.000.000	9.678.868.530	(1.157.568.642)	8.521.299.888
Đầu tư dự án đường Hồ Chí Minh	10.179.000.000	-	10.179.000.000	7.628.868.530	-	7.628.868.530
Đầu tư xây dựng thủy điện Thượng Nhai	2.050.000.000	-	2.050.000.000	2.050.000.000	(1.157.568.642)	892.431.358

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>226.243.355.378</b>	<b>217.700.946.754</b>
Ban Quản lý dự án 7(QL20 - Đoạn Trại Mát-LĐ)	171.226.000	3.662.907.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt - Bun - CN Đắk Nông	12.588.468.747	12.588.468.747
Ban QLDA 46 - Đường Trường Sơn Đông (gói D19)	1.442.901.191	5.245.785.760
Ban QLDA 46- Đường Trường sơn đông- gói Đ 12	3.049.009.564	7.551.739.955
Gói số 6 ĐT n/cấp, mở rộng đường HCM	6.710.055.470	3.010.000.000
Kè-Dường sông Tiền KV TP Mỹ Tho-BQLDA ĐTXD	-	5.737.206.652
N/cấp nhà xe pháo số 1 và HITKT D.Trại lữ đoàn 368/QK5	234.000.000	4.666.725.000
RPBM còn sót lại sau chiến tranh huyện Đắk Pơ-GiaLai	9.284.189.000	9.284.189.000
T/c XD Đường D10 Khu công nghệ cao TPHCM	6.990.137.000	12.723.488.000
Viện Quân Y 17- Nhà điều trị nội khoa Bệnh Viện 17	8.027.012.818	9.621.819.818
XD Đường Tuyến 1 Đoạn X52 - Đường Nguyễn Tất Thành	2.711.608.347	5.031.288.347
Bộ Tham mưu - QK5	2.027.934.000	10.580.379.374
Đoàn kinh tế Quốc phòng 207	2.280.614.197	2.280.614.197
Trường Quân sự - QK5	315.240.242	5.787.666.000
Quốc Lộ 20 : Gói thầu XL2.6	25.745.981.478	-
RPBM khu nghỉ dưỡng Nam Hội An	4.628.703.000	-
Xây dựng chi cục thuế huyện Triệu Phong- Quảng Trị	4.512.380.000	-
Ban QLDA ADB : Nâng cấp tỉnh lộ 189 thuộc DA XD đường	3.112.346.000	-
BQLDA đường HCM- XD Đường HCM	3.372.064.677	2.356.168.273
BQL DTXD huyện Hóc môn - Cầu 19/5	3.946.924.000	-
Cục Hậu Cần QK5	9.949.213.243	-
Các khách hàng khác	115.143.346.404	117.572.500.631
<b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>226.243.355.378</b>	<b>217.700.946.754</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 – DN/HN

4. Phải thu khác

	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>32.016.604.034</b>	-	<b>53.518.567.697</b>	-
- Tạm ứng	1.639.884.539	-	3.520.832.291	-
- Phải thu người lao động	-	-	8.863.757.531	-
- Ký cược, ký quỹ	3.742.544.433	-	3.954.593.624	-
- Phải thu khác (*)	26.572.705.062	-	36.983.817.775	-
- Dự nợ TK 3388 (*)	18.970.000	-	153.066.476	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	<b>4.500.000</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	4.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>32.016.604.034</b>	-	<b>53.523.067.697</b>	-

(\*) Chi tiết phải thu khác

	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khác tại các xí nghiệp	19.339.997.310	-	22.245.190.213	-
Phải thu khác của văn phòng công ty	102.451.103	-	102.214.269	-
Công ty CP XD CTGT Đà Nẵng	-	-	1.427.481.000	-
Khoản chi các chế độ BHXH chờ quyết toán	130.491.461	-	126.616.441	-
Công ty TNHH DT & XD Khoa Dũng	-	-	1.500.000.000	-
Cục hậu cần Quân khu 5	289.924.936	-	289.924.936	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng XNK Anh Đức	-	-	500.000.000	-
Công ty TNHH Hòa Phong	2.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Các đội đang hoạt động (**)	671.919.415	-	4.182.278.947	-
Ngô Văn Điều	678.033.305	-	678.033.305	-
Phải thu khác Công ty 378	1.358.624.202	-	1.086.048.163	-
Phải thu khác Công ty 309	2.020.233.330	-	1.999.096.977	-
<b>Cộng</b>	<b>26.591.675.062</b>	-	<b>37.136.884.251</b>	-

(\*\*) Các đội thi công này đã dừng hoạt động. Công ty chưa thực hiện thu hồi số dư công nợ (bằng tiền hoặc tài sản) đối với các đội này. Bên cạnh đó, Báo cáo tài chính của các đội này cũng chưa được tổng hợp vào Báo cáo tài chính.

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	5.729.791.074	-	5.234.857.957	-
- Công cụ dụng cụ	7.400.000	-	11.180.000	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	209.855.209.715	-	356.125.189.703	-
- Thành phẩm	3.826.240.625	-	4.355.478.301	-
<b>Cộng</b>	<b>219.418.641.414</b>	-	<b>365.726.705.961</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 – DN/HN**

**6. Tài sản dở dang dài hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Văn phòng, trụ sở Công ty Vạn Tường	-	20.510.309.751
CP tư vấn lập DADT Nhà khách Vạn Tường tại Gia Lai	45.192.000	45.192.000
Chi phí sửa chữa chi nhánh Hà Nội	193.531.445	-
Đầu tư xây dựng Trụ sở Xí nghiệp 309	147.428.082	816.407.629
<b>Cộng</b>	<b>386.151.527</b>	<b>21.371.909.380</b>

**7. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.047.797.332</b>	<b>786.768.094</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.047.797.332	786.768.094
<b>b) Dài hạn</b>	<b>3.586.263.328</b>	<b>5.676.919.207</b>
Chi phí công cụ dụng cụ văn phòng - Công ty	128.920.790	-
Chi phí công cụ dụng cụ văn phòng - CN Hà Nội	61.414.699	207.082.303
Chi phí công cụ dụng cụ văn phòng - CN HCM	24.086.289	25.530.367
Chi phí công cụ dụng cụ văn phòng - XN 103	655.531.320	772.082.576
Chi phí công cụ dụng cụ văn phòng - XN 203	-	151.491.613
Chi phí công cụ dụng cụ văn phòng - XN KSTK	36.534.467	49.394.697
Chi phí công cụ dụng cụ văn phòng - XN 109	-	50.519.334
Chi phí công cụ dụng cụ văn phòng - Đội 2	167.965.826	250.072.585
Mỏ đá Chu Lai - Quảng Nam	-	341.079.813
Mỏ đá Đà Sơn - Đà Nẵng	614.535.114	828.718.824
Chi phí khác của Xí nghiệp 309	-	19.888.094
Mỏ đá Tĩnh Bắc - Quảng Ngãi	1.456.396.355	2.201.058.873
Chi phí đầu tư vào mỏ đá - XN 491	197.897.342	606.243.539
Chi phí công cụ dụng cụ Công ty 378	242.981.126	173.756.591
<b>Cộng</b>	<b>4.634.060.660</b>	<b>6.463.687.301</b>



**CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VẠN TƯỜNG**  
Số 174 Lê Đình Lý, Q. Hai Châu, TP. Đà Nẵng

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MAU B 09 – DN/HN

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	TB, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	49.192.954.818	71.258.863.946	31.268.753.237	1.460.648.466	153.181.220.467
<b>Tăng trong năm</b>	59.400.052.542	7.637.923.047	66.300.000	788.062.727	67.892.338.316
- Mua trong năm	-	7.637.923.047	66.300.000	-	7.704.223.047
- Đầu tư XDCB hoàn thành	59.400.052.542	-	-	788.062.727	60.188.115.269
<b>Giảm trong năm</b>	15.220.185.999	31.502.789.679	719.705.522	113.627.718	47.556.308.918
- Thanh lý, nhượng bán	232.396.654	31.502.789.679	669.705.522	69.311.818	32.474.203.673
- Giảm khác	14.987.789.345	-	50.000.000	44.315.900	15.082.105.245
<b>Số dư cuối năm</b>	93.372.821.361	47.393.997.314	30.615.347.715	2.135.083.475	173.517.249.869
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	19.060.142.103	48.646.554.524	24.039.075.732	1.372.079.248	93.117.851.607
<b>Tăng trong năm</b>	2.750.783.069	7.930.412.341	2.214.418.302	96.873.229	12.992.486.941
- Trích khấu hao	2.750.783.069	7.930.412.341	2.214.418.302	96.873.229	12.992.486.941
<b>Giảm trong năm</b>	9.314.069.322	30.973.558.091	627.247.644	113.627.718	41.028.502.775
- Thanh lý, nhượng bán	211.597.089	30.973.558.091	577.247.644	69.311.818	31.831.714.642
- Giảm khác	9.102.472.233	-	50.000.000	44.315.900	9.196.788.133
<b>Số dư cuối năm</b>	12.496.855.850	25.603.408.774	25.626.246.390	1.355.324.759	65.081.835.777

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày đầu năm	30.132.812.715	22.612.309.422	7.229.677.505	88.569.218	60.063.368.860
Tại ngày cuối năm	80.875.965.511	21.790.588.540	4.989.101.325	779.758.716	108.435.414.092

- Công ty tạm kết chuyển giá trị công trình Trụ sở làm việc, văn phòng cho thuê và công trình Cải tạo, nâng cấp Nhà khách Vạn Tường theo dự toán vào nguyên giá TSCĐ để trích khấu hao với số tiền lần lượt là: 44.598.595.149 VND và 7.196.156.018 VND. Hai công trình này chưa có hồ sơ quyết toán cuối cùng.

- Công ty thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành trên đất của 2 trụ sở: Chi nhánh Hà Nội tại ngõ 95 – Phố Vũ Xuân Thiều, Hà Nội và XI Nghiệp 103 tại 2 địa điểm 112 Phạm Văn Đồng và 496 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai để thực hiện các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Gia Lai và NH TMCP Quân đội - CN Đà Nẵng. Ngoài ra Công ty đã thế chấp giá trị tài sản trên đất tại Khu văn phòng số 174 Lê Đình Lý, Đà Nẵng để thế chấp cho khoản vay tại NH TMCP Quân đội - CN Đà Nẵng. Công ty cũng đã thế chấp một số máy móc thiết bị, phương tiện vận tải để vay vốn lưu động.

- Công ty thế chấp toàn bộ giá trị Trục nghiền đá hoạt động bằng điện công suất 2.50T/h và các vật tư, công cụ kèm theo mới tăng trong kỳ tại mỏ đá Đà Sơn do Xi nghiệp 309 theo dõi.

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 45.827.595.019 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÀU B 09 – DN/HN

15. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>111.028.776.465</b>	<b>111.028.776.465</b>	<b>93.611.060.911</b>	<b>93.611.060.911</b>
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Long Biên	11.310.932.521	11.310.932.521	8.000.000.000	8.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN HCM	4.872.775.800	4.872.775.800	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Gia Lai	927.109.092	927.109.092	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đà Nẵng	6.000.000.000	6.000.000.000	3.465.112.728	3.465.112.728
Ngân hàng Đầu tư & phát triển - CN Đà Nẵng	84.665.647.052	84.665.647.052	58.814.303.569	58.814.303.569
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Đà Nẵng	-	-	18.592.176.124	18.592.176.124
Vay cá nhân	3.252.312.000	3.252.312.000	4.739.468.490	4.739.468.490
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>16.700.900.000</b>	<b>16.700.900.000</b>	<b>17.955.782.591</b>	<b>17.955.782.591</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đà Nẵng	12.223.400.000	12.223.400.000	14.857.200.000	14.857.200.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Gia Lai	2.062.000.000	2.062.000.000	3.098.582.591	3.098.582.591
Ngân hàng Techcombank - CN Đà Nẵng	2.415.500.000	2.415.500.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>127.729.676.465</b>	<b>127.729.676.465</b>	<b>111.566.843.502</b>	<b>111.566.843.502</b>

16. Vốn chủ sở hữu

a/ Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư XDCB VND	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	222.974.182.963	11.637.595.953	-	5.000.000.000	1.366.448.326	240.978.227.242
Chuyển từ vốn NSQP cấp	18.771.000.000	-	-	(18.771.000.000)	-	-
Tăng vốn từ Công ty 378	413.247.944	(413.247.944)	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	14.847.495.052	-	-	14.847.495.052
Giảm vốn trong kỳ	(13.106.246.000)	-	-	-	-	(13.106.246.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	2.711.078.444	(2.711.078.444)	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(6.165.849.704)	-	-	(6.165.849.704)
Trích quỹ ban điều hành	-	-	(160.000.000)	-	-	(160.000.000)
Tăng vốn đầu tư XDCB ngân sách cấp	-	-	-	13.771.000.000	-	13.771.000.000
Tăng khác	-	21.098.552	471.165.541	-	-	492.264.093
Giảm trong kỳ	-	(58.627.692)	(6.012.463.354)	-	40.859.174	(6.030.231.872)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>229.052.184.907</b>	<b>13.897.897.313</b>	<b>269.269.091</b>	<b>-</b>	<b>1.407.307.500</b>	<b>244.626.658.811</b>
Giảm vốn chủ sở hữu giá trị đất quốc phòng (*)	(102.810.688.000)	-	-	-	-	(102.810.688.000)
Lãi trong kỳ	-	-	7.310.787.795	-	-	7.310.787.795
Cty Vatuco 309 phân phối lợi nhuận	135.263.190	160.000.000	(295.263.190)	-	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	459.147.090	(459.147.090)	-	-	-
Nộp tiền chi tiêu về Quân Khu (**)	-	-	(5.464.212.006)	-	-	(5.464.212.006)
Phân phối lợi nhuận công ty 309 năm 2015	-	-	(26.237.383)	-	-	(26.237.383)
Hoàn lại khoản tách lợi ích cổ đông thiểu số 2015	-	255.076.018	52.231.482	-	(307.307.500)	-
Tách lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	(267.600.837)	(2.063.855)	-	269.664.692	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.374.471.264)	-	-	(1.374.471.264)
Giảm khác	-	(50.000.000)	-	-	-	(50.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>126.376.760.097</b>	<b>14.454.519.584</b>	<b>111.893.580</b>	<b>-</b>	<b>1.369.664.692</b>	<b>142.211.837.953</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 – DN/HN**

(\*): Trong kỳ, Công ty đã ghi giảm vốn chủ sở hữu đối với giá trị đất quốc phòng theo CV số 295/ CV-KT ngày 26/10/2015 của Phòng Quản lý kinh tế Quận.

(\*\*): Gồm tiền nộp chỉ tiêu năm 2016 cho Quận khu V : 3.500.000.000 VND và chỉ tiêu công trình rà phá bom mìn: 1.964.212.006VND

**b/ Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Theo Giấy CN đăng ký DN		Vốn đầu tư thực tế			
			31/12/2016		01/01/2016	
	Số tiền (VND)	Tỉ lệ %	Số tiền (VND)	Tỉ lệ %	Số tiền (VND)	Tỉ lệ %
Bộ Quốc phòng	105.000.000.000	100%	126.376.760.097	100%	229.052.184.907	100%
Cộng	105.000.000.000	100%	126.376.760.097	100%	229.052.184.907	100%

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	798.221.119.971	835.698.076.700
+ Doanh thu hợp đồng xây dựng	699.264.016.580	712.775.893.805
+ Doanh thu rà phá bom mìn	28.060.171.516	38.003.312.450
+ Doanh thu bán thành phẩm	58.209.811.312	48.816.879.430
+ Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất	3.002.735.569	766.772.015
+ Doanh thu chuyển nhượng Bất động sản	6.545.739.113	31.520.761.811
+ Doanh thu khác	3.138.645.881	3.814.457.189
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	798.221.119.971	835.698.076.700

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
+ Giá vốn hợp đồng xây dựng	667.586.737.618	665.774.820.729
+ Giá vốn rà phá bom mìn	20.979.318.746	27.425.061.626
+ Giá vốn bán thành phẩm	48.611.694.993	41.154.860.649
+ Giá vốn chuyển quyền sử dụng đất	-	756.822.536
+ Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng BDS (*)	3.811.479.171	24.061.418.380
+ Giá vốn hoạt động khác	1.372.099.497	420.129.269
Cộng	742.361.330.025	759.593.113.189

(\*) Năm nay Công ty CP Vatuco 309 đã thay đổi chính sách ước tính kế toán khi xác định giá vốn của hoạt động chuyển nhượng BDS. Đối với dự án Khu gia đình quân đội tại thành phố Kon Tum, đơn vị căn cứ vào giá trị từng lô đất trong tương lai mang lại để xây dựng hệ số phân bổ giá vốn cho phù hợp. Nếu hạch toán theo phương pháp năm trước thì giá vốn trong năm nay tăng 945.354.655 VND và lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm đi số tiền tương ứng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÁU B 09 – DN/HN**

(\*) Trong kỳ, Công ty đã ghi giảm vốn chủ sở hữu đối với giá trị đất quốc phòng theo CV số 295/ CV-KT ngày 26/10/2015 của Phòng Quản lý kinh tế Quận khu.  
(\*\*): Gồm tiền nộp chi tiêu năm 2016 cho Quận khu V : 3.500.000.000 VND và chi tiêu công trình rà phá bom mìn: 1.964.212.006VND

**b/ Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Theo Giấy CN đăng ký DN		Vốn đầu tư thực tế			
			31/12/2016		01/01/2016	
	Số tiền (VND)	Tỉ lệ %	Số tiền (VND)	Tỉ lệ %	Số tiền (VND)	Tỉ lệ %
Bộ Quốc phòng	105.000.000.000	100%	126.376.760.097	100%	229.052.184.907	100%
<b>Cộng</b>	<b>105.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>126.376.760.097</b>	<b>100%</b>	<b>229.052.184.907</b>	<b>100%</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>798.221.119.971</b>	<b>835.698.076.700</b>
+ Doanh thu hợp đồng xây dựng	699.264.016.580	712.775.893.805
+ Doanh thu rà phá bom mìn	28.060.171.516	38.003.312.450
+ Doanh thu bán thành phẩm	58.209.811.312	48.816.879.430
+ Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất	3.002.735.569	766.772.015
+ Doanh thu chuyển nhượng Bất động sản	6.545.739.113	31.520.761.811
+ Doanh thu khác	3.138.645.881	3.814.457.189
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>798.221.119.971</b>	<b>835.698.076.700</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
+ Giá vốn hợp đồng xây dựng	667.586.737.618	665.774.820.729
+ Giá vốn rà phá bom mìn	20.979.318.746	27.425.061.626
+ Giá vốn bán thành phẩm	48.611.694.993	41.154.860.649
+ Giá vốn chuyển quyền sử dụng đất	-	756.822.536
+ Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng BĐS (*)	3.811.479.171	24.061.418.380
+ Giá vốn hoạt động khác	1.372.099.497	420.129.269
<b>Cộng</b>	<b>742.361.330.025</b>	<b>759.593.113.189</b>

(\*) Năm nay Công ty CP Vatuco 309 đã thay đổi chính sách ước tính kế toán khi xác định giá vốn của hoạt động chuyển nhượng BĐS. Đối với dự án Khu gia đình quân đội tại thành phố Kon tum, đơn vị căn cứ vào giá trị tăng lỗ đất trong tương lai mang lại để xây dựng hệ số phân bổ giá vốn cho phù hợp. Nếu hạch toán theo phương pháp năm trước thì giá vốn trong năm nay tăng 945.354.655 VND và lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm đi số tiền tương ứng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÀU B 09 – DN/HN

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	1.839.087.877	2.338.105.592
<b>Cộng</b>	<b>1.839.087.877</b>	<b>2.338.105.592</b>

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	11.762.283.347	11.557.618.404
<b>Cộng</b>	<b>11.762.283.347</b>	<b>11.557.618.404</b>

5. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ tiền điện cho công ty Kwang Dong	359.576.642	1.214.232.443
Thu Công ty 309 (khấu hao, lãi vay...)	19.194.178	63.989.352
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng và văn phòng	694.352.727	1.553.888.827
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	8.106.481.543	5.158.893.678
Thu nhượng bán, thanh lý tài sản	5.977.779.999	1.514.202.425
Thu nhập từ nô mìn, vận chuyển đá	1.211.982.389	654.582.454
Thu chuyển giao quyền thực hiện, KD Dự án	-	727.272.727
Xử lý công nợ không phải trả	551.362.204	115.461.245
Hoàn nhập quỹ lương dự phòng	-	20.631.295
Thu nhập từ cho thuê xe công trình và CCDC	-	97.276.364
Thu tiền thuế mặt bằng khai thác đá tại mỏ đá Đà Sơn	424.242.425	318.181.818
Thu nhập từ cho thuê văn khuôn	19.568.182	-
Thu nhập từ cho thuê trụ sở cũ (XN 103)	10.909.091	-
PTCQK5 trả tiền giá trị TS còn lại tại khu đất 589 Hoàng Diệu	1.679.803.664	-
Thu nhập từ khoản căng tin tại Công ty 378	-	-
Thu nhập tiền khấu hao Q2/2016 của Công ty 378 thu XN 309	-	-
Thu nộp chi tiền Công ty Vatuco 378	1.157.568.642	-
Thu tiền thuế mặt bằng khai thác đá tại mỏ đá Đà Sơn	183.224.697	-
Các khoản thu nhập khác	1.891.521.851	515.618.195
<b>Cộng</b>	<b>22.287.568.234</b>	<b>11.954.230.823</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MÀU B 09 – DN/HN

**6. Chi phí khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí tiền điện công ty Kwang Dong	346.617.107	1.214.232.444
Chi phí nổ mìn, vận chuyển đá	1.093.097.864	579.033.715
Bị phạt thuế, truy thu thuế	1.324.876.499	880.338.874
Xu lý số liệu công nợ	1.090	473.292.391
Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản	836.543.363	467.766.475
Tiền phạt Hợp đồng	600.124.073	671.802.536
Giá trị còn lại của TSCĐ giảm	440.739.430	-
Giảm thuế GTGT được khấu trừ	45.700.200	-
Giảm giá trị TSCĐ trụ sở cũ	3.570.719.686	-
Giảm giá trị khu đất 589 Hoàng Diệu bán giao cho quận khu	1.679.803.664	-
Chi phí khấu hao văn phòng cho thuê	117.532.077	-
Chi phí khác	202.945.063	527.616.376
<b>Cộng</b>	<b>10.258.700.116</b>	<b>4.814.082.811</b>

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>A. Kết quả hoạt động kinh doanh ghi nhận theo BC TC</b>		
Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	9.994.811.740	19.350.948.329
<b>B. Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế TNDN</b>		
<b>1. Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế TNDN</b>	<b>1.961.127.030</b>	<b>1.191.041.016</b>
Chi phí tiền lãi vay tương ứng với số vốn còn thiếu	72.827.827	231.699.317
Lợi nhuận của đội	14.545.454	-
Các khoản truy thu và tiền phạt về vi phạm hành chính đã tính vào chi phí	1.177.522.059	880.338.874
Chi phí không liên quan đến doanh thu, thu nhập chịu thuế TNDN	22.392.947	10.845.879
Chi phí tiền lương, tiền công không được tính vào chi phí hợp lý	75.550.816	68.156.946
Chi phí trên 20 triệu không thanh toán qua ngân hàng	86.151.443	-
Các khoản điều chỉnh khác làm tăng lợi nhuận trước thuế	512.136.484	-
<b>2. Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>3. Tổng thu nhập chịu thuế TNDN chưa trừ chuyển lỗ</b>	<b>11.955.938.770</b>	<b>20.541.989.345</b>
<b>4. Lỗ từ các năm trước chuyển sang</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>5. Tổng thu nhập chịu thuế TNDN (Đã trừ chuyển lỗ)</b>	<b>13.418.665.180</b>	<b>20.541.989.345</b>
Thu nhập hưởng thuế suất 20%	13.404.119.726	789.218.954
Thu nhập hưởng thuế suất 22%	14.545.454	19.752.770.391
<b>Thuế TNDN phát sinh phải nộp trong kỳ tính thuế</b>	<b>2.684.023.945</b>	<b>4.503.453.277</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÀU B 09 – DN/HN

VIII. THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện quan trọng phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

- Công ty mẹ đã điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 7, ngày 17/1/2017. theo đó, Ông Nguyễn Văn Điệp được bổ nhiệm làm đại diện theo pháp luật của Công ty.
- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8, ngày 09 tháng 03 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, Ông Dương Ngọc Tú được bổ nhiệm là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Giao dịch và số dư các bên liên quan

a/ Mọi quan hệ với các bên liên quan

Đối tượng	Mối liên hệ
Cục tài chính Bộ Quốc Phòng	Chủ sở hữu
Phòng tài chính Quân Khu 5	Chủ sở hữu

b/ Giao dịch trọng yếu với bên có liên quan

Mượn tiền bên liên quan

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mượn kinh phí hoạt động Cục tài chính Bộ Quốc phòng	-	20.000.000.000
Mượn kinh phí HD SXKD Phòng tài chính Quân Khu 5	-	5.000.000.000
Phòng tài chính Quân Khu 5:	3.595.591.690	-
<i>Cấp kinh phí nghiệp vụ</i>	<i>95.591.690</i>	-
<i>Tiền chi tiền 6 tháng đầu năm 2016</i>	<i>3.500.000.000</i>	-
<b>Cộng</b>	<b>3.595.591.690</b>	<b>25.000.000.000</b>

Trả tiền mượn cho bên liên quan

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trả kinh phí hoạt động Cục tài chính Bộ Quốc phòng	10.000.000.000	5.000.000.000
Trả tiền mượn kinh phí HD SXKD Cục hậu cần Quân Khu 5	-	22.081.954.000
Phòng tài chính quân khu 5	17.459.028.664	14.579.224.190
<i>Trả kinh phí hoạt động Phòng tài chính Quân khu 5</i>	<i>13.279.225.000</i>	<i>14.579.224.190</i>
<i>Bù trừ giá trị TS còn lại tại khu đất 589 Hoàng Diệu</i>	<i>2.179.803.664</i>	-
<i>Nộp chi tiền 2016</i>	<i>2.000.000.000</i>	-
<b>Cộng</b>	<b>27.459.028.664</b>	<b>41.661.178.190</b>

c/ Số dư với bên liên quan

Các khoản phải trả

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phòng Tài chính Quân Khu 5	17.674.631.868	28.167.651.450
Cục tài chính Bộ Quốc phòng	25.000.000.000	35.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>42.674.631.868</b>	<b>63.167.651.450</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 – DN/HN

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính năm trước đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thuế ATAX.

Tuy nhiên số dư đầu năm 2016 của đơn vị có chênh lệch so với số dư cuối năm 2015, cụ thể:

CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2015 (Số liệu trước điều chỉnh)	01/01/2016 (Số liệu sau điều chỉnh)	Chênh lệch
1. Hàng tồn kho	141	365.112.402.510	365.726.705.961	614.303.451
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13.539.346.188	12.925.042.737	(614.303.451)

Có sự điều chỉnh trên là do trong năm 2015, Công ty CP Vatuco 309 điều chỉnh tăng Khoản mục hàng tồn kho đồng thời giảm Khoản mục Thuế và các khoản phải thu nhà nước, với số tiền 614.403.451 do tăng giá trị của công trình xây dựng Kho Xăng dầu Quang Ngãi.

Phạm Thị Thanh Thủy  
Người lập biểu

Lý Đức Thắng  
Kế toán trưởng



Dương Ngọc Tú  
Chủ tịch Hội đồng thành viên  
Đà Nẵng, ngày 10/03/2017

